

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2022/HS-ST
Ngày 30 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ân;

Bà Nguyễn Thị Thu Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 100/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Mạnh Q (tên gọi khác: G), sinh ngày 17 tháng 11 năm 1996 tại tỉnh Đ; nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã G, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Bị xử phạt 02 năm tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo bản án số 32/2019/HSST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom; tiền sự: Không; Nhân thân: Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 40/QĐ-TA ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2022 đến nay; có mặt tại phiên tòa;

2. Đỗ Thanh P, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1992 tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N và bà Phạm Thị N1; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Bị áp dụng biện pháp xử lý hành

chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc theo Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 30/3/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đai; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đinh Văn H1, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp T1, xã N, huyện T, tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Anh Nguyễn Văn Q1 và Nguyễn Mạnh Q có mối quan hệ bạn bè quen biết; khoảng 07 giờ 30 phút ngày 12/12/2021 anh Q đến nhà Q tại ấp H, xã G, huyện T để chơi. Trong lúc nói chuyện, Q biết anh Q1 sử dụng điện thoại di động hiệu Apple Iphone 11 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Q giả vờ hỏi mượn điện thoại để gọi cho bạn thì được anh Q1 đồng ý, sau đó Q đăng nhập tài khoản mạng xã hội zalo là “G” rồi gọi điện cho Đỗ Thanh P (bạn của Q) qua tài khoản zalo “Đỗ P”, nhờ P đến chở đi mua ma túy để sử dụng thì P đồng ý. Khoảng 05 phút sau, P điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario biển số 60H1-358.78 đến trước nhà Q, Q cầm điện thoại của anh Q1 đi ra thì anh Q1 yêu cầu Q trả lại, Q nói anh Q1 cho Q mượn một lúc nữa sẽ trả anh Q1 đồng ý. Ngay sau đó Q tiếp tục gọi điện nói P quay lại, khi P quay lại thì Q nói cho P biết đã chiếm đoạt được điện thoại của anh Q1 và nhờ P chở đi bán để lấy tiền mua ma túy thì P đồng ý. Cả hai đem điện thoại đến cửa hàng điện thoại “P1” thuộc ấp T, xã B, huyện T do anh Đinh Văn H1 làm chủ bán được 8.000.000 đồng. Khi mua điện thoại của Q, anh H1 không biết là tài sản do phạm tội mà có. Sau khi bán được điện thoại, Q sử dụng 1.500.000 đồng để mua 15 tép ma túy của đối tượng tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) tại đoạn đường gần giáo xứ B thuộc ấp S, xã B, huyện T và cùng P sử dụng hết 02 tép, số tiền còn lại Q cho P 300.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bị mất điện thoại, anh Q1 đã đến Công an xã G tố cáo hành vi chiếm đoạt của Q; Công an xã G đã xác minh lập hồ sơ chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 28/02/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Mạnh Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Đỗ Thanh P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” để điều tra. Quá trình điều tra các bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên (bút lục: 01; 07; 12; 57-73; 91-103).

2. Định giá tài sản:

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom đã kết luận: Điện thoại di động hiệu Apple Iphone 11, dung lượng 64GB, màu đen, đã qua sử dụng trị giá 12.000.000 đồng (Bút lục 22-24).

3. *Vật chứng*: 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 11, dung lượng 64GB, màu đen, số sim 0933.302.948, đã qua sử dụng.

5. *Về bồi thường dân sự*:

- Bị hại anh Nguyễn Văn Q1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn H1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Mạnh Q bồi thường số tiền 8.000.000 đồng là tiền anh H1 đã mua điện thoại của bị cáo Q; Bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho anh H1.

6. *Truy tố*: Tại bản Cáo trạng số: 110/CT-VKS-TB ngày 13 tháng 5 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố Nguyễn Mạnh Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố Đỗ Thanh P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

7. *Trình bày của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng tại phiên tòa*:

7.1 *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị*:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh Q từ 01 (một) năm đến 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Thanh P từ 08 (tám) đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh Q phải hoàn trả số tiền 8.000.000 đồng cho anh Đinh Văn H1.

- Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; Buộc bị cáo Đỗ Thanh P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Tố tụng*:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng

hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lợi dụng mối quan hệ quen biết, Nguyễn Mạnh Q đã giả vờ hỏi mượn điện thoại hiệu Apple iphone 11 trị giá 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) của anh Nguyễn Văn Q1 để gọi cho bạn nhưng mục đích nhằm chiếm đoạt điện thoại. Sau khi lấy được điện thoại, Q đã gọi cho Đỗ Thanh P đến chỗ đi bán được 8.000.000 đồng; Q lấy 1.500.000 đồng mua ma túy và cùng P sử dụng. Sau đó, Q cho P 300.000 đồng còn lại Q tiêu xài cá nhân hết. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của Nguyễn Mạnh Q đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Hành vi của Đỗ Thanh P đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

[3] Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Đỗ Thanh P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;
- Bị cáo Nguyễn Mạnh Q đã từng bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc trường hợp được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Bị cáo Đỗ Thanh P phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng thuộc trường hợp được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

3.3. Về hình phạt:

Hành vi của của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; Bản thân các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi của mình là vi

phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; Các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo P đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị cáo Q đã từng bị kết án, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội thể hiện sự xem thường pháp luật; Do đó, cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian với mức án nghiêm khắc; để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung;

[4] Về biện pháp ngăn chặn:

Khi không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn và khi được áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác không phải là biện pháp tạm giam, bị cáo Đỗ Thanh P đều chấp hành tốt khi được các cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập; Do đó, không cần thiết bắt tạm giam bị cáo P ngay sau khi tuyên án; Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Mạnh Q để đảm bảo thi hành án.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Điện thoại di động hiệu Apple Iphone 11, dung lượng 64GB, màu đen, số sim 0933.302.948 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn Q1; Ngày 16/3/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã trả lại cho anh Nguyễn Văn Q1 là phù hợp.

- Đối với Honda Vario biển số 60H1-358.78 sau khi chở Q đi bán điện thoại, P đã bán xe cho người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch tại khu vực Bưu điện huyện Trảng Bom, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không có cơ sở xem xét (bút lục 46-47).

[6] Về dân sự:

- Tại phiên tòa, bị hại anh Nguyễn Văn Q1 trình bày đã nhận lại điện thoại và không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn H1 yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 8.000.000 đồng anh H1 đã trả cho bị cáo khi mua điện thoại; Xét thấy, bị cáo đã dùng tài sản không thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình đi bán mà không được sự đồng ý của chủ tài sản. Anh H1 không biết tài sản Q đem đến bán là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, giao dịch giữa các bên là vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật; các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; Yêu cầu của anh Đinh Văn H1 là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận; Sau khi bán điện thoại, Q cho P 300.000 đồng để tiêu xài; Tuy nhiên, anh H1 chỉ yêu cầu một mình bị cáo Q hoàn trả lại số tiền 8.000.000 đồng và bị cáo Q cũng tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 8.000.000 đồng cho anh H1, không yêu cầu bị cáo P phải hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng nên ghi nhận; buộc bị cáo Nguyễn Mạnh Q phải hoàn trả cho anh Đinh Văn H1 số tiền 8.000.000 đồng.

[7] Đối với người đàn ông tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) đã bán ma túy cho Q và P tại đoạn đường gần giáo xứ B thuộc ấp S, xã B, huyện T, đề nghị Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom tiếp tục điều tra làm rõ, khi có cơ sở sẽ xử lý sau;

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; Buộc bị cáo Đỗ Thanh P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm;

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với các nhận định nêu trên nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh Q (tên gọi khác: G) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh Q (tên gọi khác: G) 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 3 năm 2022.

2. Căn cứ điểm khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Thanh P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh P 06 (Sáu) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bị áp giải thi hành án phạt tù;

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 131, Điều 357, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh Q phải hoàn trả cho anh Đinh Văn H1 số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*);

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh Q phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; Buộc bị cáo Đỗ Thanh P phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- NLQ;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Thị Thùy Trinh